

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên "Công ty" là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56.03.000043 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 05 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ hai số 1700110786 ngày 17 tháng 11 năm 2010 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Trong năm tài chính, hoạt động chính của Công ty như sau:

- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt;
- Sản xuất sợi;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã đăng ký.

Trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 VND.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Văn Xuân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Đức	Thành viên
Ông Phan Minh Hoàng	Thành viên
Ông Cái Hồng Thu	Thành viên
Ông Trương Thanh Hiếu	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Đức	Giám đốc
Ông Phan Minh Hoàng	Phó Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

18995
CÔNG
HÀNH
KIỂM TOÁN
VIỆT
NAM
CHI NHÁNH
CẦN THƠ
11078
NG T
PH
BAO
HÀ T
ƯNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

7. Công bố các báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố các Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGUYỄN HỮU ĐỨC

Giám đốc

Kiên Giang, ngày 27 tháng 03 năm 2015

002-C
TY
HỮU HAI
AN
NAM
NH
10
P. CÁN

18-C
Y
N
BÌ
IÊN
-T. KIẾ

Số: 24/2015/BCKT-CT.070

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên, được lập ngày 27 tháng 03 năm 2015, từ trang 4 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**TRANG ĐẮC NHA**

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cần Thơ, ngày 27 tháng 03 năm 2015

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2013-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		74.883.849.694	84.007.685.350
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	4.871.436.922	12.289.015.870
Tiền	111		4.871.436.922	9.289.015.870
Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		32.169.084.826	33.496.350.495
Phải thu khách hàng	131	4.2	30.706.266.289	32.657.130.766
Trả trước cho người bán	132	4.3	1.202.677.259	135.825.710
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.4	454.463.264	863.274.491
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(194.321.986)	(159.880.472)
Hàng tồn kho	140	4.5	36.113.863.454	35.680.137.199
Hàng tồn kho	141		36.205.694.367	35.928.149.674
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(91.830.913)	(248.012.475)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.729.464.492	2.542.181.786
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	236.300.833
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.14	1.392.648.981	1.952.770.470
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	4.14	80.746.332	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.6	256.069.179	353.110.483



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIỀN

Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.709.686.265	26.075.961.445
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		38.095.919.397	22.435.331.223
Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	37.943.813.810	18.815.181.891
Nguyên giá	222		133.685.237.526	111.339.902.441
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(95.741.423.716)	(92.524.720.550)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.8	143.240.444	146.245.280
Nguyên giá	228		197.046.189	150.252.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.805.745)	(4.006.720)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.9	8.865.143	3.473.904.052
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.10	3.605.200.000	3.605.200.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		3.605.200.000	3.605.200.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		8.566.868	35.430.222
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		8.566.868	35.430.222
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		116.593.535.959	110.083.646.795

399
 ĐƠN
 HỮU
 KIÊN
 LƯƠNG
 C
 H

0110

ĐƠN
 PH
 BAO B
 HÀ TI

0110

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		66.934.135.113	58.223.149.133
Nợ ngắn hạn	310		52.942.340.113	55.494.453.767
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.11	44.673.846.070	41.952.388.307
Phải trả cho người bán	312	4.12	2.202.817.928	2.334.345.750
Người mua trả tiền trước	313	4.13	16.870.600	136.449.100
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.14	-	842.117.197
Phải trả công nhân viên	315		4.925.383.133	6.867.164.284
Chi phí phải trả	316		48.834.985	-
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.15	630.425.726	3.250.673.049
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.16	444.161.671	111.316.080
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		13.991.795.000	2.728.695.366
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	4.17	13.991.795.000	2.719.306.128
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	9.389.238
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49.659.400.846	51.860.497.662
Vốn chủ sở hữu	410	4.18	49.659.400.846	51.860.497.662
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.998.703	3.998.703
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		3.461.190.572	3.155.420.665
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.861.906.093	2.556.136.186
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.332.305.478	6.144.942.108
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		116.593.535.959	110.083.646.795

3-00
 G T
 H E M P
 A T C
 V I E T
 H I N H
 C A N
 V I E U

786-C
 T Y
 A N
 B I
 E N
 K I E N

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIỀN

Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		180.520.491	180.520.491
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		7.804.181	7.804.181
Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		15.582,23	272.556,79
- EUR		641,22	701,42
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



QUÁCH VIỆT HÙNG
Người lập biểu



VĂN NGỌC LƯU
Kế toán trưởng



NGUYỄN HỮU ĐỨC
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 27 tháng 03 năm 2015

2-C
QUẬN
AN
NÀ
HÀNH
THO
- TP

M.S.D. No.
H. KIÊN LƯƠNG

GIANG * P.C.P

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		168.552.784.883	203.092.568.397
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.592.727	17.272.727
Doanh thu thuần	10	5.1	168.551.192.156	203.075.295.670
Giá vốn hàng bán	11	5.2	149.873.297.013	180.402.344.750
Lợi nhuận gộp	20		18.677.895.143	22.672.950.920
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.500.350.866	1.122.424.495
Chi phí tài chính	22	5.4	2.781.223.517	2.775.802.953
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		1.909.646.798	2.249.878.022
Chi phí bán hàng	24		5.113.269.791	4.963.260.460
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.864.077.345	8.259.049.533
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		4.419.675.356	7.797.262.469
Thu nhập khác	31	5.5	435.447.166	695.467.864
Chi phí khác	32	5.6	677.179.956	417.625.306
Lợi nhuận khác	40		(241.732.790)	277.842.558
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.177.942.566	8.075.105.027
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	702.079.426	2.008.536.338
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		17.474.116	(29.232.650)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.458.389.024	6.095.801.339
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	865	1.524


QUÁCH VIỆT HÙNG
Người lập biểu


VĂN NGỌC LƯU
Kế toán trưởng


NGUYỄN HỮU ĐỨC
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 27 tháng 03 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	4.177.942.566	8.075.105.027
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.624.914.639	7.769.434.784
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(121.740.048)	(581.171.162)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	249.827.125	(23.559.644)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.014.084.059)	(772.204.346)
Chi phí lãi vay	06	1.909.646.798	2.249.878.022
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	9.826.507.021	16.717.482.681
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	1.613.930.314	10.953.879.428
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(277.544.693)	(157.170.668)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(2.118.151.599)	(6.074.586.391)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	236.300.833	(84.639.283)
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.860.811.813)	(2.249.878.022)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.590.156.156)	(1.555.522.807)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	19.550.000	610.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(822.077.267)	(2.071.210.236)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.027.546.640	15.478.964.702
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(20.285.502.813)	(4.136.758.480)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	380.722.727	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.014.084.059	772.204.346
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.890.696.027)	(3.364.554.134)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	107.604.869.274	109.477.849.485
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(93.957.570.184)	(113.868.144.970)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.200.000.000)	(5.414.150.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.447.299.090	(9.804.445.485)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(7.415.850.297)	2.309.965.083
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	12.289.015.870	9.980.791.306
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.728.651)	(1.740.519)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	4.871.436.922	12.289.015.870

QUÁCH VIỆT HÙNG

Người lập biểu

VĂN NGỌC LƯU

Kế toán trưởng

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Giám đốc

Kiên Giang, ngày 27 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên "Công ty" là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56.03.000043 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 05 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ hai số 1700110786 ngày 17 tháng 11 năm 2010 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Trong năm tài chính, hoạt động chính của Công ty như sau:

- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt;
- Sản xuất sợi;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 429 người (31/12/2013 là 479 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Đầu tư

Các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

3.6 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Trong năm 2014 Công ty có thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định hữu hình so với năm 2013 làm cho giá trị khấu hao theo khung cũ và khung mới thay đổi cụ thể như sau:

	Khấu hao theo khung khấu hao cũ VND	Khấu hao theo khung khấu hao mới VND	Chênh lệch VND
Nhà cửa vật kiến trúc	1.072.622.803	1.040.518.636	32.104.167
Máy móc thiết bị	3.716.495.107	3.062.709.448	653.785.659
	4.789.117.910	4.103.228.084	685.889.826

3.7 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.8 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào đơn giá tiền lương được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3.9 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 2%.

3.10 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4488
 CỘ
 CHNH
 KIỂM
 C VI
 CHIN
 CÁN
 IÊU.

17
 C
 C
 I
 KIEN LU

Doanh thu hoạt động tài chính

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.11 Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Các ưu đãi về thuế:

- Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% từ năm 2007 đến năm 2012.
- Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ năm 2007 đến năm 2012.

3.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.14 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng HUD Kiên Giang	Việt Nam	Công ty liên kết
Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	Việt Nam	Công ty liên kết

95-01
CÔNG TY
KẾ TOÁN
HÀNH THO
TP. C

10110

CÔNG TY
CỔ PHẦN
BAO BÌ HÀ TIỀN

CÔNG TY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	18.901.184	32.702.879
Tiền gửi ngân hàng		
- VND	4.502.963.457	3.490.553.237
- USD, (*)	332.992.255	5.745.497.133
- EUR (*)	16.580.026	20.262.621
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
	4.871.436.922	12.289.015.870

(*) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng		
- USD	15.582,23	332.992.255
- EUR	641,22	16.580.026
		349.572.281

4.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu thương mại - Bên liên quan	-	1.115.317.500
Phải thu thương mại - Bên thứ ba	30.706.266.289	31.541.813.266
	30.706.266.289	32.657.130.766

4.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Trả trước cho người bán - Bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán - Bên thứ ba	1.202.677.259	135.825.710
	1.202.677.259	135.825.710

4.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu tiền thuế nộp hộ	44.695.223	133.159.479
Phải thu tiền bảo hiểm hàng	181.054.781	181.054.781
Các khoản phải thu khác	228.713.260	549.060.231
	454.463.264	863.274.491



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.5 Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên vật liệu	17.405.483.236	20.451.543.462
Công cụ dụng cụ	408.676.220	331.330.437
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.462.297.426	13.629.136.689
Thành phẩm	2.929.237.485	1.516.139.086
Cộng giá gốc hàng tồn kho	36.205.694.367	35.928.149.674
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(91.830.913)	(248.012.475)
Giá trị thuần	36.113.863.454	35.680.137.199

4.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	48.752.252	48.752.252
Tạm ứng cho nhân viên Công ty	207.316.927	304.358.231
	256.069.179	353.110.483

4.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Vào ngày 01/01/2014	22.141.773.477	85.027.094.203	3.106.471.386	1.064.563.375	111.339.902.441
Mua trong năm	-	23.750.541.722	-	-	23.750.541.722
Thanh lý, nhượng bán	(49.135.280)	(981.425.089)	(327.852.079)	-	(1.358.412.448)
Giảm khác	-	-	-	(46.794.189)	(46.794.189)
Vào ngày 31/12/2014	22.092.638.197	107.796.210.836	2.778.619.307	1.017.769.186	133.685.237.526
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 01/01/2014	14.681.765.922	75.121.048.167	1.986.890.240	735.016.221	92.524.720.550
Khấu hao trong năm	1.040.518.636	3.062.709.448	393.148.109	125.533.610	4.621.909.803
Thanh lý, nhượng bán	(49.135.280)	(981.425.089)	(327.852.079)	-	(1.358.412.448)
Giảm khác	-	-	-	(46.794.189)	(46.794.189)
Vào ngày 31/12/2014	15.673.149.278	77.202.332.526	2.052.186.270	813.755.642	95.741.423.716
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/01/2014	7.460.007.555	9.906.046.036	1.119.581.146	329.547.154	18.815.181.891
Vào ngày 31/12/2014	6.419.488.919	30.593.878.310	726.433.037	204.013.544	37.943.813.810

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2014 có các tài sản có nguyên giá 73.608.818.794 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 71.387.246.260 VND).

Tại 31/12/2014 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 37.943.813.810 VND (31/12/2013: 18.815.181.891 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
 Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.8 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2014	150.252.000	-	150.252.000
Tăng khác	-	46.794.189	46.794.189
Vào ngày 31/12/2014	<u>150.252.000</u>	<u>46.794.189</u>	<u>197.046.189</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2014	4.006.720	-	4.006.720
Khấu hao trong năm	3.004.836	-	3.004.836
Tăng khác	-	46.794.189	46.794.189
Vào ngày 31/12/2014	<u>7.011.556</u>	<u>46.794.189</u>	<u>53.805.745</u>
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2014	146.245.280	-	146.245.280
Vào ngày 31/12/2014	<u>143.240.444</u>	<u>-</u>	<u>143.240.444</u>

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

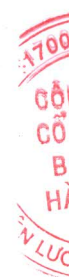
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.865.143	3.473.904.052

4.10 Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư khác vào các Công ty	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên	1.005.200.000	2,95%	1.005.200.000	2,95%
Công ty Cổ phần Xi Măng Kiên Giang	1.200.000.000	5,38%	1.200.000.000	5,38%
Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên Kiên Giang	1.400.000.000	3,05%	1.400.000.000	3,05%
	<u>3.605.200.000</u>		<u>3.605.200.000</u>	

4.11 Vay ngắn hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	40.615.796.070	41.272.561.775
Nợ vay dài hạn đến hạn trả (**)	4.058.050.000	679.826.532
	<u>44.673.846.070</u>	<u>41.952.388.307</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(*) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Hạn mức	Lãi suất (năm)	31/12/2014 USD	31/12/2014 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang- VND	10 tỷ VND	7,5%		1.677.250.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang- USD	2.265.000 USD	3,2%	1.686.947 #	36.050.057.390
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang - VND	40 tỷ VND	7,5%		2.888.488.680
			<u>1.686.947</u>	<u>40.615.796.070</u>

Đây là khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng tại các ngân hàng để bổ sung vốn kinh doanh. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn được bảo đảm bằng toàn bộ giá trị tài sản cố định của Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2014 là 37.943.813.810 VND.

(**) Đây là khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2015 tại các ngân hàng (chi tiết xem tại 4.18).

4.12 Phải trả người bán

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải trả người bán - Bên liên quan	-	-
Phải trả người bán - Bên thứ ba	2.202.817.928	2.334.345.750
	<u>2.202.817.928</u>	<u>2.334.345.750</u>

4.13 Người mua trả tiền trước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Người mua trả tiền trước - Bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước - Bên thứ ba	16.870.600	136.449.100
	<u>16.870.600</u>	<u>136.449.100</u>

4.14 Thuế

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	1.392.648.981	1.952.770.470

Thuế phải thu Nhà nước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	863.970	-
Thuế xuất nhập khẩu	8.639.686	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.959.533	-
Thuế thu nhập cá nhân	25.283.143	-
	<u>80.746.332</u>	<u>-</u>

300448
CỔ
TRÁCH N
KIÊN
AFCV
CHI
CÁ
KIÊN

1107
IG T
PHÃ
IO B
TIẾ
VG-T

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
 Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	842.117.197

4.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	7.809.086	7.809.086
Bảo hiểm xã hội	27.731.828	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	264.440.128	2.940.327.146
Phải trả, phải nộp khác	330.444.684	302.536.817
	630.425.726	3.250.673.049

4.16 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	111.316.080	34.699.907
Trích quỹ trong năm	1.135.372.858	2.147.216.409
Sử dụng quỹ trong năm	(802.527.267)	(2.070.600.236)
Số dư cuối năm	444.161.671	111.316.080

4.17 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay dài hạn ngân hàng (*)	18.049.845.000	3.399.132.660
Trừ nợ vay dài hạn đến hạn trả	(4.058.050.000)	(679.826.532)
	13.991.795.000	2.719.306.128

(*) Chi tiết số dư dài hạn tại ngày 31/12/2014:

Ngân hàng	Lãi suất (năm)	Mục đích vay	Bảo đảm vay	31/12/2014 USD	31/12/2014 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	6,3%	Mua 3 máy dệt	Thế chấp tài sản của Công ty	182.300 #	3.895.751.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	7%	Đầu tư máy tạo sợi công suất 630kg/h	Thế chấp tài sản của Công ty	662.800 #	14.154.094.000
				845.100	18.049.845.000

995-
 NGT
 HIEMH
 MTO/
 IET
 NHAN
 NTH
 U-TP

18-C
 Y
 N
 I
 N
 KIEN

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIỀN

Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Trong vòng một năm	4.058.050.000	679.826.532
Trong năm thứ hai	4.357.230.000	2.719.306.128
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	9.634.565.000	-
	18.049.845.000	3.399.132.660

4.18 Vốn chủ sở hữu

Bảng tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 01/01/2013	40.000.000.000	3.998.703	2.591.732.737	1.992.448.258	11.322.899.336	55.911.079.034
Lãi năm 2013	-	-	-	-	6.095.801.339	6.095.801.339
Chia cổ tức	-	-	-	-	(7.999.166.302)	(7.999.166.302)
Trích lập quỹ	-	-	563.687.928	563.687.928	(1.127.375.856)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.147.216.409)	(2.147.216.409)
Số dư ngày 31/12/2013	40.000.000.000	3.998.703	3.155.420.665	2.556.136.186	6.144.942.108	51.860.497.662
Lãi năm 2014	-	-	-	-	3.458.389.024	3.458.389.024
Trích lập quỹ	-	-	305.769.907	305.769.907	(611.539.814)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(4.524.112.982)	(4.524.112.982)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.135.372.858)	(1.135.372.858)
Số dư ngày 31/12/2014	40.000.000.000	3.998.703	3.461.190.572	2.861.906.093	3.332.305.478	49.659.400.846

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	4.000.000	40.000.000.000	4.000.000	40.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	40.000.000.000	4.000.000	40.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	4.000.000	40.000.000.000	4.000.000	40.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	-	-	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	40.000.000.000	4.000.000	40.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	4.000.000	40.000.000.000	4.000.000	40.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Cổ đông	31/12/2014		01/01/2014	
	Số tiền VND	%	Số tiền VND	%
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng HUD Kiên Giang	15.380.500.000	38,45	15.380.500.000	38,45
Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	15.380.500.000	38,45	15.380.500.000	38,45
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Phương Nam	4.000.000.000	10,00	4.000.000.000	10,00
Các tổ chức, cá nhân khác	5.239.000.000	13,10	5.239.000.000	13,10
	40.000.000.000	100	40.000.000.000	100

4.19 Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 16 tháng 04 năm 2014, Công ty chia cổ tức năm 2013 là 4.524.112.982 VND.

4.20 Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 16 tháng 04 năm 2014, Công ty trích 5% từ lợi nhuận được phân phối (với số tiền 305.769.907 VND) vào quỹ đầu tư và phát triển trong phần vốn chủ sở hữu nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

Quỹ dự phòng tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 16 tháng 04 năm 2014, Công ty trích 5% từ lợi nhuận được phân phối (với số tiền 305.769.907 VND) vào quỹ dự phòng tài chính nhằm mục đích bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ xảy ra trong quá trình kinh doanh.

Các quỹ khác

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 16 tháng 04 năm 2014, Công ty trích từ lợi nhuận được phân phối với số tiền 979.745.352 VND vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Công ty tạm trích quỹ năm 2014 với số tiền là 155.627.506 VND vào quỹ khen thưởng phúc lợi để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	168.199.230.723	203.090.395.670
Doanh thu cung cấp dịch vụ	353.554.160	2.172.727
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	(1.592.727)	(17.272.727)
Doanh thu thuần	168.551.192.156	203.075.295.670

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.2 Giá vốn hàng bán

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn bán hàng hóa	150.029.478.575	181.007.060.032
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(156.181.562)	(604.715.282)
	149.873.297.013	180.402.344.750

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	41.639.979	75.268.346
Cổ tức, lợi nhuận được chia	972.444.080	696.936.000
Lãi do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	486.266.807	323.668.347
Lãi do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	26.551.802
	1.500.350.866	1.122.424.495

5.4 Chi phí tài chính

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	1.909.646.798	2.249.878.022
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	621.749.594	525.924.931
Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	249.827.125	-
	2.781.223.517	2.775.802.953

5.5 Thu nhập khác

	2014 VND	2013 VND
Thanh lý tài sản cố định	214.000.000	-
Các khoản thu nhập khác	221.447.166	695.467.864
	435.447.166	695.467.864

5.6 Chi phí khác

	2014 VND	2013 VND
Chi thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	366.666.660	366.666.660
Các khoản chi phí khác	310.513.296	50.958.646
	677.179.956	417.625.306



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp “TNDN” hiện hành

	2014 VND	2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.177.942.566	8.075.105.027
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN như sau:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	254.120.703	693.533.180
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(1.240.793.147)	(734.492.953)
Tổng thu nhập chịu thuế	3.191.270.122	8.034.145.254
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	702.079.426	2.008.536.338

5.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	120.299.546.270	142.826.810.564
Chi phí nhân công	27.654.112.133	31.201.058.794
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.624.914.639	7.769.434.784
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.417.779.554	11.338.076.279
Chi phí bằng tiền khác	2.312.695.026	2.113.998.739
	166.309.047.622	195.249.379.160

5.9 Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 3.458.389.024 VND (2013: 6.093.557.220 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 4.000.000 cổ phiếu (2013: 4.000.000 cổ phiếu), được tính như sau:

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.458.389.024	6.095.801.339
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.458.389.024	6.095.801.339
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.000.000	4.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	865	1.524

6. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

3995
ÔNG
NHIỆM
M T C
IẾT
NHÀ
N TH
/ - TP

GIANG
M.S.D.N: 1700
H. KIÊN L

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Các khoản vay và nợ	44.673.846.070	13.991.795.000	58.665.641.070
Phải trả người bán	2.202.817.928	-	2.202.817.928
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	643.719.797	-	643.719.797
	47.520.383.795	13.991.795.000	61.512.178.795
Ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Các khoản vay và nợ	41.952.388.307	2.719.306.128	44.671.694.435
Phải trả người bán	2.334.345.750	-	2.334.345.750
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	3.242.863.963	-	3.242.863.963
	47.529.598.020	2.719.306.128	50.248.904.148

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản cố định của mình vào các khoản vay tại các ngân hàng.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2013 và 31/12/2014.

Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	30.702.996.289	31.541.813.266	30.702.996.289	31.541.813.266
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	1.115.317.500	-	1.115.317.500
<i>Các khoản phải thu khác</i>	263.411.278	703.394.019	263.411.278	703.394.019
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	3.605.200.000	3.605.200.000	3.605.200.000	3.605.200.000
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4.871.436.922	12.289.015.870	4.871.436.922	12.289.015.870
Tổng cộng	39.443.044.489	49.254.740.655	39.443.044.489	49.254.740.655
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	58.665.641.070	44.671.694.435	58.665.641.070	44.671.694.435
<i>Phải trả người bán</i>	2.202.817.928	2.334.345.750	2.202.817.928	2.334.345.750
<i>Phải trả khác và chi phí phải trả</i>	643.719.797	3.242.863.963	643.719.797	3.242.863.963
Tổng cộng	61.512.178.795	50.248.904.148	61.512.178.795	50.248.904.148

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày theo giá trị sổ sách do không đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

002
 CÔNG TY
 HỮU HẠN
 AN
 NAM
 HÀ
 TIÊN
 CÁN

110786
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 BAO BÌ
 HÀ TIÊN
 CÔNG-T.Y

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

7 CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Công ty liên quan	Nội dung	2014 VND	2013 VND
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng HUD Kiên Giang	Chia cổ tức	1.739.521.442	2.768.490.000
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Chia cổ tức	1.739.521.442	2.768.490.000

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, không còn số dư các khoản phải thu/(phải trả) giữa Công ty với các bên có liên quan.

7.2 Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	2014 VND	2013 VND
Lương và thưởng	634.666.667	1.219.450.485
Các khoản khác	240.000.000	240.000.000
	874.666.667	1.459.450.485



QUÁCH VIỆT HÙNG
Người lập biểu



VĂN NGỌC LƯU
Kế toán trưởng



NGUYỄN HỮU ĐỨC
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 27 tháng 03 năm 2015

